

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN HỘI

**BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI
ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
Mã số: 9229008**

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Chủ tịch Hội đồng



PGS, TS. Nguyễn Duy Bắc

Người hướng dẫn khoa học



1. TS. Phạm Thị Hoàng Hà



2. TS. Nguyễn Thị Thu Huyền

Phản biện 1: PGS, TS. Trần Thị Hạnh

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Phản biện 2: PGS, TS. Bùi Thị Kim Hậu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Phản biện 3: PGS, TS. Nguyễn Sỹ Trung

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Vào hồi 08 giờ 00 ngày 30 tháng 5 năm 2026**

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phúc lợi xã hội (PLXH) là một phần của thu nhập quốc dân được sử dụng nhằm đáp ứng những nhu cầu cơ bản về vật chất và tinh thần của người dân, chủ yếu được phân phối lại, ngoài phân phối theo lao động và vốn góp.

Phúc lợi xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng trong thực hiện “tiến bộ và công bằng xã hội” vì vậy bảo đảm PLXH cho toàn dân được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, chú trọng. Văn kiện Đại hội X của Đảng đã nêu rõ: “Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển (...). Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội”. “Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)” khẳng định: “Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Văn kiện Đại hội XII, Đảng ta bổ sung thêm quan điểm và khẳng định: “Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo đảm để Nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Mọi người dân đều có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện”. Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta nhấn mạnh: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân”. Vì thế Đại hội XIV Đảng ta xác định

phải “...quản lý phát triển xã hội bền vững, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, an ninh xã hội”.

Như vậy, bảo đảm PLXH cho nhân dân là một chủ trương lớn, cấp thiết, vừa mang tính chiến lược lâu dài của Đảng, Nhà nước ta, đặc biệt là đối với nhân dân các dân tộc thiểu số (DTTS) nhằm tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy năng lực nội sinh trong nhân dân, để nhân dân cả nước được thụ hưởng đầy đủ thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước, đồng thời khắc phục những khiếm khuyết của kinh tế thị trường, bảo đảm “tiến bộ và công bằng xã hội” qua đó khẳng định tính ưu việt của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi có sự đông đảo và đa dạng của đồng bào DTTS, được sáp nhập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở hợp nhất 3 tỉnh là Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng (cũ) để hình thành tỉnh Lâm Đồng hiện nay, với dân số là 3.872.999 người, có 49/54 dân tộc cùng sinh sống, trong đó đồng bào DTTS là 692.391 người, chiếm 17,6% dân số của tỉnh. Giai đoạn từ 2015 đến nay các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã triển khai nhiều chính sách phúc lợi xã hội để giảm nghèo, phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, nâng cao đời sống mọi mặt cho đồng bào các DTTS gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

Tuy nhiên cho đến nay, việc triển khai các chính sách phúc lợi xã hội còn bộc lộ nhiều bất cập như chính sách dàn trải, nhiều đầu mối thực hiện, thiếu nguồn lực nhất là tài chính, quỹ đất; tính hiệu quả một số chương trình chưa cao, còn thất thoát, lãng phí, công tác xã hội hoá chưa hiệu quả. Vì vậy việc thoát nghèo của nhiều hộ DTTS vẫn thiếu tính bền vững dẫn đến nguy cơ tái nghèo, cận nghèo còn cao; thu nhập của nhiều hộ DTTS hiện chỉ bằng 40 - 50% so với thu nhập bình quân chung của tỉnh. Việc tham gia bảo hiểm xã hội đối với người lao động là đồng bào DTTS hiện ở mức rất thấp và không ổn định; việc tham gia bảo hiểm y tế tăng trưởng

nhanh nhưng thiếu bền vững. Chất lượng và mức độ thụ hưởng về giáo dục, y tế, văn hóa, các lĩnh vực xã hội còn thấp so với mặt bằng chung; chất lượng nguồn nhân lực thấp. Trong khi đó năng lực nội sinh của đồng bào DTTS trong tỉnh còn nhiều mặt hạn chế, nhất là trong hoạt động sản xuất để nâng cao thu nhập, đời sống. Từ đó, để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện đời sống, thực hiện “tiến bộ và công bằng xã hội” đòi hỏi cấp bách cần thực hiện tốt việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS của tỉnh hiện nay.

Xuất phát từ thực trạng nêu trên và quan điểm, mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra, việc lựa chọn vấn đề **“Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay”** làm đề tài luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học là vấn đề có tính cấp thiết, có ý nghĩa thiết thực về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS tỉnh Lâm Đồng, luận án xác định bối cảnh mới tác động, đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm PLXH đối với đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ

- Khái quát một số kết quả nghiên cứu tiêu biểu ở trong và ngoài nước về PLXH và bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS;
- Làm rõ những cơ sở lý luận về bảo đảm PLXH với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay;
- Phân tích thực trạng bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng (tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay) trên bốn lĩnh vực là: giảm nghèo bền vững (GNBV); bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp

(BHTN); giáo dục đào tạo (GDĐT); trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội và xác định những vấn đề hiện nay đang đặt ra;

- Xác định bối cảnh mới, quan điểm, giải pháp nhằm bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng trên những 4 lĩnh vực cơ bản là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.

Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu giai đoạn 2015 - 2026.

Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng (tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay).

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về dân tộc và chính sách xã hội, phúc lợi xã hội nói chung, chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS nói riêng.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Luận án nghiên cứu, đánh giá công tác của Cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, cá nhân ở các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay trong việc thực hiện PLXH đối với đồng bào DTTS của tỉnh trên bốn lĩnh vực cơ bản là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận nghiên cứu của luận án: Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể: Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như logic - lịch sử; phương pháp phân tích - tổng hợp, so sánh, thống kê, điều tra khảo sát...

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

- *Về mặt lý luận:* Luận án làm rõ được khái niệm PLXH, bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS, bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng; chủ thể, đối tượng, nội dung, phương thức thực hiện, đồng thời khẳng định đây là sự thể chế hoá, cụ thể hoá quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về phân phối, là phương thức để Nhà nước và xã hội thực hiện phân phối lại thu nhập xã hội nhằm bảo đảm “tiến bộ và công bằng xã hội” trong phát triển nền KTTT định hướng XHCN hiện nay.

- *Về mặt thực tiễn:*

+ Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập những vấn đề về chính trị, xã hội, quản lý nhà nước về dân tộc.

+ Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu phục vụ cho việc hoạch định và chỉ đạo, điều hành việc thực hiện chính sách xã hội nói chung, phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng nói riêng.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án gồm có 4 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

1.1.1. Các công trình nghiên cứu của nước ngoài về bảo đảm phúc lợi xã hội

Luận án đã tổng quan 08 công trình nghiên cứu tiêu biểu của nước ngoài liên quan đến phúc lợi xã hội nói chung, phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS nói riêng, gồm các tác giả: Allan Moscovitch, Dịch Đông Đường, Neil Gilbert và Paul Terrell, Reza Hasmath, Văn phòng Cao uỷ của Liên Hợp Quốc về nhân quyền (OHCHR), Triệu Huân, Vương Côn, Julia Kagan.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

Luận án đã tổng quan 38 công trình nghiên cứu tiêu biểu của các tác giả: Bùi Thế Cường, Trần Hữu Quang, Nguyễn Văn Chiêu, Hà Hùng, Hoàng Xuân Lương, Phạm Xuân Nam (2), Phan Văn Hùng, Nguyễn Thị Nhung, Trần Văn Thạch, Nguyễn Trọng Đàm, Nguyễn Quỳnh Hoa, Đoàn Minh Huân (2), Nguyễn Duy Thụy, Đặng Thị Ánh Tuyết, Lê Tấn Dũng, Bùi Thị Ngọc Lan, Đỗ Thị Hải Hà, Phạm Thị Thu Lan, Nguyễn Thị Nga, Mạc Văn Tiến, Đào Thị Tùng, Đào Quang Vinh, Nguyễn Đức Chiện, Nguyễn Tuyết Hạnh, Vũ Thuỳ Linh, Đậu Tuấn Nam-Vũ Hải Vân-Trương Bảo Thanh, Đào Nguyên Phúc, Nguyễn Thị Thu Thanh, Trương Tất Thịnh, Trần Thị Thu Trang, Đặng Quang Trung, Bùi Sỹ Lợi, Phạm Thị Hoàng Hà-Nguyễn Thị Thu Huyền, Bùi Ngọc Quý, Nguyễn Lâm Thành, Hoàng Bá Thịnh.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Luận án đã tổng quan 18 công trình nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ))

và Lâm Đồng hiện nay), gồm: Hà Thị Hạnh, Đào Hữu Hòa, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Nguyễn Đình Tiến, Vương Hoàng, Đỗ Văn Nhân-Nguyễn Thị Kim Doan, Đỗ Công Tiến, Thanh Huyền, Lê Hiếu, Bảo Ngọc, Thành Nhân, Thuý Diễm, Hồ Nhụy, Mỹ Vân, Hồng Loan, Minh Hưng, Nguyễn Đình Phong-Nguyễn Thị Cẩm Trang, Diệp Quỳnh.

1.2. GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Giá trị của các công trình đã tổng quan

Thứ nhất, các công trình đã đề cập đến một số vấn đề lý luận chung về phúc lợi xã hội: cơ sở lý luận, khái niệm, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương thức, mô hình, vai trò của phúc lợi xã hội.

Thứ hai, các công trình đã khái quát thành tựu và hạn chế trong thực hiện phúc lợi xã hội ở nước ta hiện nay, ở một số địa phương và đối với đồng bào DTTS của tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Thứ ba, các công trình cũng đã phân tích hệ thống quan điểm, mục tiêu, giải pháp để nâng cao hiệu quả một số chính sách có liên quan đến phúc lợi xã hội cho người dân, trong đó có đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

Một là, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng, tập trung vào những lĩnh vực cơ bản là: giảm nghèo bền vững; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.

Hai là, phân tích, đánh giá những thành tựu cũng như hạn chế trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay trên bốn lĩnh vực cơ bản là: giảm nghèo bền vững; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.

Ba là, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) của tỉnh, bối cảnh mới đặt ra và đặc điểm của các DTTS của tỉnh Lâm Đồng, luận án đề xuất hệ thống giải pháp góp phần bảo đảm hơn nữa phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới.

Chương 2

BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. QUAN NIỆM VỀ PHÚC LỢI XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1.1. Quan niệm về phúc lợi xã hội

Hiện nay, trên thế giới có một số quan niệm khác nhau về phúc lợi xã hội.

Trong cuốn sách *Tìm hiểu thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, nhóm tác giả Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Việt Thông đã chỉ ra: “Phúc lợi xã hội là một bộ phận thu nhập quốc dân của xã hội được sử dụng nhằm thoả mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần của các thành viên trong xã hội, chủ yếu mang tính bao cấp và được phân phối ngoài thu nhập theo lao động”.

Kế thừa các quan niệm đã có, tác giả đưa ra quan niệm về phúc lợi xã hội như sau: “*Phúc lợi xã hội là một phần thu nhập quốc dân được nhà nước và xã hội phân phối lại, ngoài thu nhập theo lao động và vốn đóng góp, để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho một bộ phận dân cư hoặc nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn xã hội*”.

Chủ thể thực hiện phúc lợi xã hội: chủ thể có vai trò quan trọng nhất trong thực hiện phúc lợi xã hội là nhà nước. Ngoài nhà nước ra còn có các cơ quan khác trong hệ thống chính trị, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, người dân và các tổ chức khác cùng tham gia.

Đối tượng của phúc lợi xã hội: thứ nhất, đó là những người yếu thế, dễ bị tổn thương như người già và trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, người bị mất hoặc giảm khả năng lao động, người nghèo, người bị bệnh không có thu nhập hoặc thu nhập thấp; thứ hai, đó là tất cả mọi thành viên trong xã hội (nhằm nâng cao đời sống về mọi mặt).

Mục tiêu của phúc lợi xã hội: mục tiêu quan trọng nhất của phúc lợi xã hội là công bằng và tiến bộ xã hội, làm cho mọi người được thụ hưởng thành quả của phát triển KT-XH; giảm bớt khoảng cách giàu-nghèo, xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Nguồn lực thực hiện phúc lợi xã hội: là nguồn lực bằng tiền, vật chất hoặc các dịch vụ xã hội cơ bản mà nhà nước và xã hội có để thực hiện phúc lợi cho người dân.

Nội dung của phúc lợi xã hội: tùy thuộc vào sự phát triển của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn mà nội dung của phúc lợi xã hội có những thay đổi cho phù hợp. Ở Việt Nam hiện nay, dựa trên quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì nội dung của phúc lợi xã hội bao gồm:

Một là, hệ thống bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế).

Hai là, hệ thống ưu đãi xã hội (các chế độ phúc lợi).

Ba là, hệ thống bảo trợ xã hội (các chính sách trợ giúp xã hội).

Bốn là, chính sách giảm nghèo bền vững.

Hình thức phúc lợi xã hội: thứ nhất đối tượng thụ hưởng nhận được một khoản được chi trả bằng tiền hoặc hiện vật (một lần hoặc hàng tháng); thứ hai, đối tượng thụ hưởng được hưởng các loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu như giáo dục, văn hoá, y tế, thông tin, hạ tầng không phải trả tiền hoặc chỉ phải chi trả một phần.

Về mô hình phúc lợi xã hội: Hiện nay, nước ta áp dụng mô hình phúc lợi xã hội kết hợp nhằm thực hiện tốt chức năng phân phối lại thu nhập, khai thác tối ưu nguồn lực trong xã hội (nhà nước, người dân, doanh nghiệp) để bảo đảm phúc lợi xã hội cho người dân cũng như hỗ trợ người dân thụ hưởng các thành quả của quá trình phát triển đó. Việc thực hiện mô hình phúc lợi xã hội kết hợp còn là sự thể hiện bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2.1.2. Quan niệm về bảo đảm phúc lợi xã hội và bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Bảo đảm PLXH đối với đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng là việc vận dụng, thể chế hoá quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh về thực hiện “tiến bộ và công bằng xã hội” trong phân phối lại thu nhập xã hội, đó là việc: “*cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và xã hội sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội để phân phối lại thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống và thúc đẩy các điều kiện phát triển toàn diện cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng, hướng đến mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội trong nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay*”.

2.1.3. Chủ thể, đối tượng, nội dung và phương thức bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

2.1.3.1. Chủ thể bảo đảm phúc lợi đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Hiện nay, chủ thể bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng bao gồm: Cấp uỷ Đảng; chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã và Xã hội.

2.1.3.2. Đối tượng thụ hưởng phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Đối tượng thụ hưởng phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng là đồng bào DTTS đang sinh sống trên địa bàn tỉnh.

2.1.3.3. Nội dung bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Một là, bảo đảm về giảm nghèo bền vững.

Hai là, bảo đảm về chế độ BHXH, BHYT, BHTN.

Ba là, bảo đảm chế độ phúc lợi xã hội về giáo dục đào tạo.

Bốn là, bảo đảm thụ hưởng về các chế độ ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội.

2.1.3.4. Phương thức thực hiện bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Một là, *thể chế hoá, cụ thể hoá* chủ trương, đường lối của Đảng; xây dựng chính sách, pháp luật bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS.

Hai là, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS.

Ba là, tổ chức thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS.

Bốn là, huy động và sử dụng quỹ phúc lợi xã hội để bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS.

Năm là, kiểm tra, đánh giá hoạt động bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS.

2.2. TẦM QUAN TRỌNG CỦA BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

2.2.1. Phúc lợi xã hội góp phần tích cực vào việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách giàu-nghèo, hạn chế tình trạng bất bình đẳng xã hội.

2.2.2. Phúc lợi xã hội từng bước góp phần thực hiện công bằng trong phân phối, khắc phục những khiếm khuyết của kinh tế thị trường, bổ sung cho những hạn chế của phân phối theo kết quả lao động và vốn góp.

2.2.3. Bảo đảm phúc lợi xã hội góp phần quan trọng trong việc thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội, góp phần củng cố niềm tin, sự gắn bó của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ, bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc để phát triển đất nước.

2.2.4. Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS góp phần củng cố quốc phòng, an ninh; chủ động đấu tranh làm thất bại mọi hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

2.3. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

2.3.1. Đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến bảo đảm phúc lợi xã hội.

2.3.2. Đặc điểm tự nhiên, KT-XH của tỉnh Lâm Đồng.

2.3.3. Đặc điểm của đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

2.3.4. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia thực hiện chính sách xã hội nói chung, phúc lợi xã hội nói riêng.

2.3.5. Sự chống phá của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, sự chênh lệch về mức sống giữa các dân tộc sẽ vẫn diễn ra gay gắt, quyết liệt.

2.3.6. Nguồn ngân sách nhà nước Trung ương vẫn là nguồn lực cơ bản và quan trọng nhất để bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng.

Chương 3

BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THÀNH TỰU VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA THÀNH TỰU TRONG BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

3.1.1. Thành tựu trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay

3.1.1.1. Thành tựu trong lĩnh vực giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Nhờ thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiều chính sách giảm nghèo bền vững như hỗ trợ đất sản xuất, vật tư nông nghiệp, cây con giống, vốn vay ưu đãi, chuyển đổi nghề nên tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã giảm sâu. Tỉnh Bình Thuận (cũ) đến hết năm 2024 số hộ nghèo đồng bào DTTS là 1.446 hộ, chiếm 5,56%; số hộ cận nghèo đồng bào DTTS là 2.202 hộ, chiếm 8,47%. Tỉnh Đắk Nông (cũ) đến hết năm 2024 số hộ nghèo đồng bào DTTS chung là 3.738 hộ, chiếm tỷ lệ 7,54%; hộ nghèo DTTS tại chỗ là 1.703 hộ, chiếm tỷ lệ 10,27%. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) đến hết năm 2024 số hộ nghèo đồng bào DTTS là 1.571 hộ, chiếm 1,91%, hộ cận nghèo là 2.921 hộ, chiếm 3,56%; số hộ đồng bào DTTS nghèo đa chiều là 4.492 hộ, chiếm 5,47%.

3.1.1.2. Thành tựu trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ, đẩy mạnh công tác

tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN nên đã đạt một số kết quả nhất định, đặc biệt là BHYT đạt kết quả rất cao, kết quả:

Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc tỉnh Bình Thuận (cũ)

Năm	Số lượng tham gia BHXH	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	94.327	3.814	4,04
2020	92.050	4.296	4,66
2023	102.265	5.713	5,58

Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc tỉnh Đắk Nông (cũ)

Năm	Số lượng tham gia BHXH	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	34.828	1.720	4,93
2020	42.622	1.813	4,25
2023	49.726	2.180	4,38

Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc tỉnh Lâm Đồng (cũ)

Năm	Số lượng tham gia BHXH	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	96.035	4.149	4,32
2020	105.134	5.522	5,25
2023	109.648	6.747	6,15

Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH tự nguyện tỉnh Bình Thuận (cũ)

Năm	Số lượng tham gia BHXH tự nguyện	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	1.254	87	6,93
2020	12.225	832	6,80
2023	14.778	1.397	9,45

Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH tự nguyện tỉnh Đắk Nông (cũ)

Năm	Số lượng tham gia BHXH tự nguyện	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	2.135	342	15,99
2020	10.350	949	9,17
2023	14.850	1.392	9,37

Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH tự nguyện tỉnh Lâm Đồng (cũ)

Năm	Số lượng tham gia BHXH tự nguyện	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	16.476	1.621	9,83
2020	16.024	1.795	11,2
2023	18.460	2.261	12,24

Tổng hợp lao động DTTS tham gia BHTN tỉnh Bình Thuận (cũ)

Năm	Số lượng tham gia BHTN	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	82.202	3.427	4,16
2020	83.264	3.835	4,60
2023	96.579	5.401	5,59

Tổng hợp số lượng lao động DTTS tham gia BHTN tỉnh Đắk Nông (cũ)

Năm	Số lượng tham gia BHTN	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	25.684	1.522	5,90
2020	26.706	1.617	6,05
2023	30.820	1.928	6,25

Tổng hợp lao động DTTS tham gia BHTN tỉnh Lâm Đồng (cũ)

Năm	Số lượng tham gia BHTN	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	75.009	3.609	4,80
2020	84.206	5.012	5,95
2023	88.720	5.946	6,70

Bảo hiểm y tế đối với đồng bào DTTS đã đạt kết quả rất cao, năm 2024 tỉnh Bình Thuận (cũ), đạt 95,0%; tỉnh Đắk Nông (cũ) 93,75%, tỉnh Lâm Đồng (cũ) đạt 92,5%.

3.1.1.3. Thành tựu trong thực hiện chính sách phúc lợi xã hội về giáo dục đào tạo đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Trên cơ sở các chính sách do Trung ương ban hành, các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và nay là tỉnh Lâm Đồng (mới) đã cụ thể hoá, ban hành nhiều chính sách về GDĐT nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS.

Một là, hệ thống các trường dân tộc nội trú: tỉnh Bình Thuận (cũ) có 05 trường dân tộc nội trú gồm 04 trường dân tộc nội trú cấp huyện (trước đây) và 01 trường trung học phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, 49 trường có học sinh DTTS được tăng cường tiếng Việt. Tỉnh Đắk Nông (cũ) có 08 trường dân tộc nội trú gồm 07 trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông cấp huyện ở 07 huyện (trước đây) và 01 trường trung học phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), có 08 trường phổ thông dân tộc nội trú gồm 02 trường cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông và 06 trường trung học cơ sở.

Hai là, thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên DTTS: Tỉnh Bình Thuận (cũ), đã thực hiện hỗ trợ trong năm 2021 cấp kinh phí học tập cho 8.741 học sinh DTTS từ mầm non đến trung học cơ sở với kinh phí 7.496.922.800 đồng. Tỉnh Đắk Nông (cũ) đã thực hiện hỗ trợ cho học sinh, sinh viên DTTS từ năm học 2011-2012 đến năm học 2015-2016 cho 8.822 lượt học sinh, sinh viên với tổng kinh phí là 8.654.000.000 đồng. Giai đoạn 2017-2021 kinh phí thực hiện là 76.230.933.800 đồng. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), thực hiện miễn giảm học phí cho 100% học sinh DTTS theo quy định của Chính phủ. Giai đoạn 2021-2025 tỉnh có 42.928 lượt học sinh, sinh viên được hỗ trợ.

Ba là, thực hiện tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên người DTTS: Tỉnh Bình Thuận (cũ), tổng số học sinh, sinh viên được vay vốn đến ngày 31/12/2024 là 1.272 sinh viên, tổng số vốn cho vay là 80.487 triệu đồng. Tỉnh Đắk Nông (cũ) tính đến tháng 6/2024 toàn tỉnh đã cho vay 1.245 hộ với 1.421 học sinh, sinh viên DTTS vay vốn với tổng số vốn vay ưu đãi là 23.485 triệu đồng. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) tính đến 31/12/2024 đã giải ngân 417,031 tỷ đồng cho học sinh, sinh viên vay vốn.

Bốn là, thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục đối với đồng bào DTTS:

Tỉnh Bình Thuận (cũ), đến hết năm 2024, trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99,97%, tiểu học đạt 97,27%, trung học cơ sở đạt 95,52%, trung học phổ thông đạt 62,25%; tỷ lệ người 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo

tiếng phổ thông đạt 96,24%. Tỉnh Đắk Nông (cũ) đến hết năm 2024 tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc mầm non 5 tuổi là 99,7%, tiểu học là 98,70%; tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học là 98,86%; tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên biết chữ là 95,01%. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), đến hết năm 2024 tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99,87%, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 99%, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường đạt 99,97%, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học phổ thông đến trường đạt 82,08%, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông viết thạo đạt 90,3%.

3.1.1.4. Thành tựu trong việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện chính sách trợ giúp xã hội: tỉnh Bình Thuận (cũ), năm 2023 có 43.840 người đang hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên, tỉnh Đắk Nông năm 2024 số người được thụ hưởng hàng tháng là 5.358 người, tỉnh Lâm Đồng (cũ), năm 2023 là 37.110 người, trong đó có 5.213 người DTTS.

Thực hiện chính sách cứu trợ xã hội: được thực hiện kịp thời trong những tình thế cấp thiết, thiên tai, hoạn nạn cho đồng bào, không để ai bị thiếu đói.

Thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội: được thực hiện hiệu quả trên các lĩnh vực như nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, văn hoá-thông tin.

3.1.2. Nguyên nhân của những thành tựu trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

3.1.2.1. Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị ở địa phương luôn quan tâm đến thực hiện chính sách dân tộc, chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS.

3.1.2.2. Thành tựu của công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước và của tỉnh những năm qua đã tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện phúc lợi xã hội cho đồng bào DTTS.

3.1.2.3. Sự nỗ lực vươn lên của đồng bào các DTTS và sự đồng hành của xã hội.

3.2. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ TRONG BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

3.2.1. Những hạn chế trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

3.2.1.1. Hạn chế trong thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững

Giảm nghèo nhanh nhưng thiếu bền vững, còn tình trạng hộ DTTS chưa có đất/thiếu đất sản xuất; việc chuyển đổi nghề và tạo việc làm chưa hiệu quả; năng lực sản xuất còn hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực thấp ảnh hưởng lớn đến giảm nghèo bền vững.

3.2.1.2. Hạn chế trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Một là, lực lượng lao động DTTS tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp rất thấp, tăng trưởng chậm và thiếu ổn định.

Hai là, đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế tăng trưởng nhanh, gần bao phủ 100% nhưng thiếu ổn định, nguy cơ tái diễn không có bảo hiểm y tế tăng trở lại sau năm 2025 khi những chính sách hỗ trợ của trung ương và địa phương ngừng hoặc giảm.

3.2.1.3. Hạn chế trong việc thực hiện chính sách phúc lợi xã hội về giáo dục đào tạo

Một là, tỷ lệ mù chữ còn cao: thời điểm 01/7/2024 lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết chữ phổ thông của Bình Thuận (cũ) là 83,9%, Đăk Nông (cũ) là 82,8%, Lâm Đồng (cũ) là 83,7%.

Hai là, tình trạng học sinh DTTS học bậc trung học phổ thông còn chiếm tỷ lệ thấp, trong đó địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ) là 50%; Đăk Nông (cũ) chỉ có 44,4%, Lâm Đồng (cũ) là 44,7%.

Ba là, chất lượng giáo dục, nhất là giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề chuyên môn kỹ thuật rất thấp.

3.2.1.4. Hạn chế trong việc thực hiện chính sách về trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội

Các chính sách về trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội được thực hiện trong những dịp đặc biệt như lễ, tết hoặc khi có thiên tai, dịch bệnh nên

không thường xuyên, đồng thời tạo ra tâm lý ỉ lại của một bộ phận đồng bào DTTS.

Ưu đãi xã hội còn một số hạn chế trong việc thực hiện các chính sách về nhà ở, văn hoá, nước sạch và vệ sinh môi trường.

3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

3.2.2.1. Điều kiện tự nhiên, KT-XH vùng DTTS của tỉnh có nhiều khó khăn.

3.2.2.2. Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước đối với vùng DTTS ở tỉnh Lâm Đồng vẫn diễn ra rất phức tạp.

3.2.2.3. Một số chương trình, chính sách ban hành nhưng triển khai chậm, chưa phù hợp với điều kiện địa phương và đồng bào DTTS, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc còn hạn chế.

3.2.2.4. Một bộ phận đồng bào DTTS chưa có ý chí vươn lên; nguồn lực xã hội hoá để bảo đảm phúc lợi xã hội cho đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn.

3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

3.3.1. Nhu cầu được bảo đảm phúc lợi xã hội của đồng bào DTTS trong tỉnh lớn trong khi chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS còn chông chéo, trùng lặp dẫn tới việc các nguồn lực thực hiện bị phân tán, hiệu quả chưa cao, thiếu bền vững.

3.3.2. Nhu cầu được bảo đảm phúc lợi xã hội của đồng bào DTTS trong tỉnh lớn trong khi nguồn lực của Nhà nước dành cho công tác này còn hạn chế.

3.3.3. Nhu cầu được bảo đảm phúc lợi xã hội của đồng bào DTTS trong tỉnh lớn trong khi ý chí tự lực, tự cường trong phát triển KT-XH của một bộ phận đồng bào DTTS trong tỉnh còn hạn chế.

3.3.4. Nhu cầu được bảo đảm phúc lợi xã hội của đồng bào DTTS trong tỉnh lớn trong khi nguồn lực xã hội hoá cho công tác này chưa nhiều.

3.3.5. Nhu cầu cần nâng cao hiệu quả các chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS trong khi năng lực thực thi công vụ của một bộ cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

4.1. BỐI CẢNH MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

4.1.1. Sự tác động của toàn cầu hoá, cuộc “cách mạng công nghiệp 4.0” đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện và thụ hưởng phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số

4.1.2. Sự sáp nhập, hợp nhất 3 tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng để hình thành tỉnh Lâm Đồng mới đặt ra yêu cầu phải thống nhất chính sách dân tộc nói chung, chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS nói riêng nên sẽ có sự điều chỉnh nhất định đối với một số chính sách.

4.1.3. Những điều chỉnh của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế sẽ có tác động tích cực hơn đến việc tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế của đồng bào DTTS trong tỉnh.

4.1.4. Giảm nghèo nhanh nhưng còn thiếu bền vững, năng suất lao động và thu nhập trong đồng bào DTTS còn thấp.

4.1.5. Kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục có sự tăng trưởng khá, việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, bỏ cấp huyện, sáp nhập và tăng thẩm quyền cho cấp xã, tăng cường nguồn đầu tư từ Trung ương, tăng tỉ lệ điều tiết ngân sách cho địa phương sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc triển khai thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội trên địa bàn tỉnh.

4.2. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

4.2.1. Bảo đảm phúc lợi xã hội với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng mang tính toàn diện, không để ai bị bỏ lại phía sau.

4.2.2. Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS phải gắn với phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

4.2.3. Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS phải gắn liền với nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyển đổi nghề, tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống của đồng bào.

4.2.4. Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng phải phù hợp với đặc điểm của từng DTTS, từng địa bàn cư trú của đồng bào DTTS.

4.2.5. Khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực của Nhà nước và xã hội cho công tác bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng.

4.2.6. Không để gián đoạn các chính sách sau khi thực hiện sáp nhập tỉnh, sáp nhập cấp xã, giải thể đơn vị hành chính cấp huyện; thực hiện đồng bộ các chính sách bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS để đảm bảo tính bền vững.

4.3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

4.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và nâng cao năng lực của các chủ thể trong việc bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Thứ nhất, đối với Đảng, Nhà nước: điều chỉnh, bổ sung chính sách, tạo cơ chế cho các địa phương, tăng cường vốn đầu tư và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Thứ hai, đối với cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang: cụ thể hoá thành các chính sách phù hợp, huy động các nguồn lực, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách phúc lợi đối với đồng bào DTTS.

Thứ ba, đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội, các tổ chức khác: tăng cường công tác giám sát, đồng thời vận động các nguồn tài trợ, hỗ trợ để cùng chính quyền bảo đảm phúc lợi xã hội cho nhân dân.

Thứ tư, đối với người dân: vừa tham gia hỗ trợ nhau vừa tích cực trong công tác giám sát đối với việc triển khai các chương trình phúc lợi trên địa bàn.

Thứ năm, đối với các doanh nghiệp: vừa sản xuất kinh doanh hiệu quả vừa tham gia hỗ trợ các địa phương với những chương trình cụ thể, thiết thực đối với đồng bào DTTS.

4.3.2. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Thứ nhất, trong việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH vùng DTTS và miền núi của tỉnh.

Thứ hai, trong lĩnh vực giảm nghèo bền vững.

Thứ ba, thực hiện tốt các chính sách phúc lợi về y tế.

Thứ tư, giải quyết tốt phúc lợi giáo dục đào tạo cho đồng bào DTTS.

Thứ năm, đẩy mạnh bảo hiểm xã hội trong đồng bào DTTS.

Thứ sáu, tăng cường trợ giúp xã hội hiệu quả và thực hiện tốt ưu đãi người có công.

4.3.3. Huy động tốt nguồn lực xã hội để bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Tập trung vào công tác thông tin để huy động sự đóng góp của cả cộng đồng, có cơ chế để huy động nguồn lực xã hội hoá cho những lĩnh vực phúc lợi bền vững như giảm nghèo, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

4.3.4. Phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Thứ nhất, tập trung xoá mù chữ, nâng cao dân trí và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS.

Thứ hai, đẩy mạnh phúc lợi y tế nhằm nâng cao thể trạng, sức khoẻ cho đồng bào DTTS.

Thứ ba, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các DTTS.

Thứ tư, phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái giữa các dân tộc trong tỉnh.

4.3.5. Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Thứ nhất, xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Thứ hai, xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Thứ ba, kịp thời điều chỉnh, kiến nghị điều chỉnh chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS.

KẾT LUẬN

1. Phúc lợi xã hội là một phần thu nhập quốc dân được phân phối ngoài thu nhập theo lao động, chủ yếu được bao cấp để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho một bộ phận dân cư hoặc nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn xã hội. Bảo đảm phúc lợi xã hội là sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội để phân phối lại thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống của một bộ phận người dân hoặc nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế-xã hội.

2. Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng là việc cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và xã hội sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội để phân phối lại thu nhập, chủ yếu mang tính bao cấp nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống và thúc đẩy các điều kiện phát triển toàn diện cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng.

3. Trong những năm qua công tác bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên bốn lĩnh vực cơ bản giảm nghèo bền vững; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội. Tỉnh đã ban hành được hệ thống chính sách, pháp luật về bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS cơ bản đồng bộ, sát với điều kiện thực tiễn địa phương; công tác tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS được các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể và hệ thống chính trị triển khai đồng bộ, hiệu quả; công tác kiểm tra, tổng kết, đánh giá hoạt động bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS được thực hiện khá tốt góp phần quan trọng vào sự thành công của chính sách, tạo được những thay đổi căn bản theo hướng tích cực trong đời sống và sản xuất của đồng bào các DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

4. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS trên bốn lĩnh vực cơ bản: giảm nghèo bền vững; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội còn bộc lộ nhiều hạn chế từ việc xây dựng, ban hành chính sách đến công tác phân công và phối hợp khi triển khai, công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, sử dụng ngân sách và huy động nguồn lực xã hội hoá đến công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chính sách. Giảm nghèo trong một bộ phận đồng bào DTTS còn thiếu tính bền vững; việc thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN chưa đạt yêu cầu đề ra; việc thực hiện chế độ, chính sách về giáo dục đào tạo chưa nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS; chế độ trợ giúp xã hội, ưu đãi xã hội cũng còn nhiều tồn tại, bất cập. Chênh lệch về mức sống giữa đồng bào DTTS với mặt bằng chung của tỉnh và cả nước còn khoảng cách khá xa. Những tồn tại hạn chế trên do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Thực trạng đó đặt ra vấn đề là phải tiếp tục nghiên cứu, triển khai đồng bộ các chính sách phúc lợi xã hội để đồng bào

DTTS trên địa bàn tỉnh giảm nghèo bền vững, vươn lên trong cuộc sống, bắt kịp với sự phát triển chung của đất nước.

5. Trong thời gian tới, việc bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng sẽ chịu ảnh hưởng, tác động bởi những nhân tố cơ bản: sự tác động của toàn cầu hoá, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện và thụ hưởng chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS; sự sáp nhập, hợp nhất 3 tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng để hình thành tỉnh Lâm Đồng mới đặt ra yêu cầu phải thống nhất chính sách dân tộc nói chung, chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS nói riêng nên sẽ có sự điều chỉnh nhất định đối với một số chính sách; những điều chỉnh của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế sẽ có tác động tích cực hơn đến việc tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế của đồng bào DTTS trong tỉnh; giảm nghèo nhanh nhưng còn thiếu bền vững, năng suất lao động và thu nhập trong đồng bào DTTS còn thấp; kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục có sự tăng trưởng khá, việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh và tăng cường nguồn đầu tư từ Trung ương sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc triển khai thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội trên địa bàn tỉnh.

6. Để bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS, tạo động lực để đồng bào vươn lên thoát nghèo, thụ hưởng đầy đủ thành quả và bắt nhịp với sự phát triển chung của đất nước cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và nâng cao năng lực của các chủ thể trong việc bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS; hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS; huy động tốt nguồn lực xã hội để bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS; phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào DTTS; tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Văn Hợi (2024), “Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Nông hiện nay”, *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội khoa học - Lý luận và thực tiễn*, Số 34 (tháng 12), tr.40-45.
2. Nguyễn Văn Hợi (2024), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phúc lợi xã hội và vận dụng vào chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số đặc biệt quý IV, tr.161-167.
3. Nguyễn Văn Hợi (2025), “Thành tựu giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Nông”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Văn Lang*, Tập 9 (50), Số 02, tr.145-151.
4. Nguyễn Văn Hợi (2025), “Thực hiện chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Số 09/2025, tr.75-81.